TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày: 18-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV Đ.

Địa chỉ: Số C Khu phố B, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Châu Thị S – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: Số I T, Khu phố B, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

(Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2025)

- *Bị đơn:* Ông Trần Bình T1, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số I ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ do bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Từ tháng 9/2023 trở về trước, ông Trần Bình T1 có mua vật liệu xây dựng tại Công ty TNHH MTV Đ. Đến ngày 06/10/2023, ông T1 ký bản kê chi tiết vật tư để xác định còn nợ Công ty Đ số tiền 150.080.700 đồng. Từ ngày 06/10/2023 đến nay ông T1 không trả cho Công ty Đ bất cứ khoản tiền nào.

Do đó, Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trần Bình T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 150.080.700 đồng. Công ty TNHH MTV Đ không yêu cầu tính lãi.

Công ty Đ bán hàng cho cá nhân ông T1 nên chỉ yêu cầu cá nhân ông T1 có nghĩa vụ trả nợ, Công ty Đ không yêu cầu người nào khác có nghĩa vụ liên đới với ông T1 trả nợ cho Công ty Đ. Đề nghị Tòa án giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Công ty Đ không biết ông T1 có giao dịch gì với người nào khác nên không thể cung cấp được tài liệu so sánh để giám định chữ viết và chữ ký của ông T1 trên bản kê chi tiết vật tư ngày 06/10/2023 nhưng Công ty Đ cam kết ông T1 đã trực tiếp ký tên và ghi rõ họ tên vào bản kê chi tiết vật tư ngày 06/10/2023.

Bị đơn ông Trần Bình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa,… nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Bình T1 có nghĩa vụ trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Công ty TNHH MTV Đ khởi kiện nên được xác định là nguyên đơn; ông Trần Bình T1 là người bị kiện nên được xác định là bị đơn trong vụ án. Việc ủy quyền của đương sự hợp lệ nên được chấp nhận.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ do bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền có mặt. Bị đơn ông Trần Bình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về thủ tục tiền tố tụng:

Vụ án liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định không cần tiến hành thủ tục tiền tố tụng.

[5] Về chứng cứ:

Các bên có quyền yêu cầu và có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án xét xử theo quy định tại Điều 6 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Về phạm vi xét xử:

Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự. Luật áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ, thấy rằng:

Theo bản kê chi tiết vật tư đề ngày 06/10/2023 do nguyên đơn cung cấp thể hiện các bên tham gia giao kết hợp đồng mua bán là Công ty TNHH MTV Đ (bên bán hàng) và ông Trần Bình T1 (khách hàng), tổng số tiền khách hàng còn nợ là 150.080.700 đồng, ông T1 đã ký tên và ghi rõ họ tên tại mục "Xác nhận của khách hàng".

Công ty Đ đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh có việc bán hàng cho ông T1 và ông T1 còn nợ Công ty Đ số tiền 150.080.700 đồng. Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không gửi văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, cần căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản kê chi tiết vật tư đề ngày 06/10/2023 để xác định ông T1 còn nợ Công ty Đ số tiền 150.080.700 đồng. Kể từ ngày 06/10/2023 đến nay thì ông T1 chưa thanh toán cho Công ty Đ bất kỳ khoản tiền nào.

Do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Đ khởi kiện yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ số tiền còn nợ 150.080.700 đồng là có căn cứ. Công ty Đ không yêu cầu ông T1 phải trả tiền lãi do chậm

thanh toán là tự nguyện, có lợi cho bị đơn và không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Bình T1 phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ.

Công ty TNHH MTV Đ không phải chịu án phí. H lại cho Công ty TNHH MTV Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Đ về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc ông Trần Bình T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ toàn bộ số tiền còn nợ là 150.080.700 đồng (một trăm năm mươi triệu không trăm tám mươi nghìn bảy trăm đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Trần Bình T1 có nghĩa vụ chịu 7.504.035 đồng (bảy triệu năm trăm lẻ bốn nghìn không trăm ba mươi lăm đồng).

3.2. Công ty TNHH MTV Đ không phải chịu án phí. H lại cho Công ty TNHH MTV Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.752.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010900 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 5-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy An